

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07/01/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Định.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thái

Bà Cao Thị Hồng Minh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Hoàng Thị P.** Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định. Hiện trú tại: Tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông **Tổng Văn T.** Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định. Hiện đang chấp hành án tại: Phân trại số C, Trại giam Q, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị P và ông Tổng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 08/4/2008, tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, to tiếng, xô sát lẫn nhau. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình vì không có sự hiểu,

chia sẻ cùng nhau; ông T không chịu làm ăn, bỏ bê công việc, không có trách nhiệm với gia đình; đưa đòi bạn bè đi vào con đường nghiện ngập ma túy. Bà P cùng gia đình đã cố gắng khuyên can nhiều lần nhưng ông T vẫn không thay đổi được. Ngày 12/9/2023, ông T bị bắt và bị kết án về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" và hiện đang chấp hành án tại trại giam Q, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng bà P, ông T có hai con chung là Tổng Quang V, sinh ngày 15/01/2009 và Tổng Thanh V1, sinh ngày 18/9/2011. Cả hai con của ông bà đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Bà P có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung; không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện cả hai người con chung đang ở cùng với bà, bà P vẫn đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu đảm bảo, các cháu đều phát triển bình thường.

- Về tài sản và nợ: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 12/TB-TLVA ngày 16/10/2024; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 12/11/2024 và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao cho ông T được biết.

Hiện nay, ông T đang chấp hành án tại Phân trại số C, Trại giam Q, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; ông T không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như các phiên tòa và không có ý kiến, văn bản giao nộp tại Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và không thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ về yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không có lý do.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Bà Hoàng Thị P có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giải quyết ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông Tổng Văn T trước khi đi chấp hành án có địa chỉ tại tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Tổng Văn T đang chấp hành án tại Trại giam Q, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang không có mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ

án ra xét xử, triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên tòa không có lý do; nguyên đơn bà Hoàng Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P, ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung yêu cầu của các đương sự:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà P và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình; khi đăng ký kết hôn, bà P và ông T đều đã trên 18 tuổi nên xác định, quan hệ hôn nhân của bà P và ông T là hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà P cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, to tiếng, xô sát nhau. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình vì không có sự chia sẻ, hiểu nhau trong đời sống hôn nhân. Ông T thường xuyên bỏ bê công việc, không quan tâm và không có trách nhiệm với gia đình. Ông T nghiện ma túy và hiện đang phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Q, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà P vẫn kiên quyết xin được ly hôn với ông T.

Ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp nhưng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu của bà P; không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập.

Hội đồng xét xử thấy rằng, là vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, phải có thái độ tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau. Tuy nhiên, trước khi ông T bị bắt đi thi hành án, giữa ông T và bà P đã không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng thường xuyên to tiếng cãi vã, xô sát, xúc phạm nhau; không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông T ăn chơi, đua đòi đi vào con đường nghiện ngập ma túy, phá tán gia đình, không có trách nhiệm với gia đình. Bà P cùng gia đình đã cố gắng khuyên can, động viên đi cai nghiện nhiều lần nhưng ông T vẫn không thay đổi. Mặc dù ông T không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu của bà P, không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập, nhưng trong đơn khởi kiện, cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà P khẳng định hiện tại bà không còn tình cảm với ông T và bà P tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, cho bà được ly hôn với ông T là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Bà P và ông T có hai con chung là Tổng Quang V, sinh ngày 15/01/2009 và Tổng Thanh V1, sinh ngày 18/9/2011. Cả hai con của ông bà đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện cả hai người con chung đang ở cùng với bà, bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu đảm bảo cuộc sống. Các cháu phát triển bình thường.

Nguyên vọng của bà P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung; ông T không đưa ra quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, ông T hiện đang trong thời gian chấp hành án. Xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải xuất phát từ việc xem xét hoàn cảnh và điều kiện thực tế để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, để các con được phát triển bình thường; cháu Tổng Quang V và cháu Tổng Thanh V1 đã trên 07 tuổi và đều có nguyện vọng muốn được ở cùng với mẹ. Vì vậy, để thuận lợi cho sự phát triển tâm, sinh lý của các con, HĐXX xét thấy nguyện vọng nuôi con chung của bà P là chính đáng, phù hợp với thực tế và nguyện vọng của các cháu, đảm bảo lợi ích về mọi mặt của con chung, không làm ảnh hưởng đến việc sinh sống, học tập ổn định của con, không trái với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014, nên cần chấp nhận.

2.3. Về tài sản và nợ: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông T không có ý kiến, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 277, khoản 1 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 5, 8, 9, khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 và Điều 84, Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị P về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*", cụ thể:

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị P được ly hôn với ông Tổng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Tống Quang V, sinh ngày 15/01/2009 và cháu Tống Thanh V1, sinh ngày 18/9/2011 cho bà Hoàng Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác; Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về quan hệ tài sản và nợ: Không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Hoàng Thị P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, tại biên lai thu tiền số 0001044 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Bà P đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Bà P, ông T có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Tòa án niêm yết Bản án theo quy định của pháp luật.

6. Thi hành án dân sự: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát ND, TP.ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS, TP. ĐBP;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Nhận Trạch, H. Lương Sơn, T. Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Định**